

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 16.2.2022

ĐỨC PHẬT KÊU GỌI HOẰNG PHÁP ĐỘ SANH
Kinh Kinh Cạm Bẫy Ma, 2 (Dutiyamārapāsasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 105)

Lời kêu gọi hoằng truyền giáo pháp được Đức Thế Tôn đưa ra trước sáu mươi thánh đệ tử A la hán đầu tiên tại Lộc Uyển. Chính Đức Thế Tôn sau đó cũng đi một mình đến Uruvelā để hoằng pháp với sự giáo hoá hơn một ngàn đạo sĩ thờ lửa.

Đức Phật và các bậc A la hán hoàn toàn giải thoát. Các Ngài không có gì mong cầu giữa cuộc đời này. Tất cả hành trạng hoằng hoá giáo pháp đều vì lòng từ bi vô lượng đối với thế gian. Hoằng dương chánh pháp là đại sự nhân duyên. Một người con Phật đúng nghĩa không thể không quan tâm đến trách nhiệm gìn giữ và chia sẻ giáo pháp. Muốn làm việc này thì việc học hỏi chuẩn xác lời Phật dạy là điều tiên quyết phải có.



Kinh Văn

Evam me sutam –

Tôi được nghe như vậy:

ekam समयam bhagavā bārāṇasiyam viharati isipatane migadāye. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú ở Lộc Uyển, Isipatana, gần Bārānasi. Thế Tôn lên tiếng với chư tỳ kheo: Này các Tỳ kheo. Các tỳ kheo trả lời: Dạ, bạch Thế Tôn.

Bhagavā etadavoca –

Đức Thế Tôn nói như sau:

“muttāhaṃ, bhikkhave, sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānūsā. tumhepi, bhikkhave, muttā sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānūsā. caratha, bhikkhave, cārikaṃ bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ. mā ekena dve agamittha. desetha, bhikkhave, dhammaṃ ādikalyāṇaṃ majjhekalyāṇaṃ pariyosānakalyāṇaṃ sātthaṃ sabyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāsetha. santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti. bhavissanti dhammassa aññātāro. ahampi, bhikkhave, yena uruvelā senānigamo tenupasaṅkamissāmi dhammadesanāyā”ti.

-- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã được giải thoát khỏi tất cả chạp bầy nhân giới và thiên giới. Nay các Tỷ-kheo, các Thầy cũng vậy, đã được giải thoát khỏi tất cả chạp bầy nhân giới và thiên giới. Nay các Tỷ-kheo, hãy hành hoá vì lợi lạc cho đại chúng, vì hạnh phúc cho đại chúng với tâm lân mẫn vì sự tốt lành, lợi ích, hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại. Đừng đi hai người chung một đường. Hãy truyền dạy giáo pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện với văn, nghĩa tinh tường. Hãy tuyên thuyết phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh. Có những chúng sanh với ít bụi trần trong mắt có thể sa đoạ nếu không được nghe pháp. Sẽ có những người lãnh hội được Pháp. Nay các Tỷ kheo, riêng Ta sẽ đi đến Senānigama ở Uruvelā để giáo hoá.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn và nói với Ngài kệ ngôn:

**“Baddhosi mārapāseṇa, ye dibbā ye ca mānūsā;
Mārabandhanabaddhosi, na me samaṇa mokkhasī”ti.**

Người vẫn trong bầy Ma
Cả thế giới nhân thiên
Vẫn bị Ma sai sử
Sa Môn đâu thoát Ta!

**“Muttāhaṃ [muttohaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] mārapāseṇa, ye dibbā ye ca mānusa;
Mārabandhanamuttomhi, nihato tvamasi antakā”ti.**

(Thế Tôn):

Ta đã thoát bầy Ma
Cả thế giới nhân thiên
Thoát cương toả Ma giới
Bại rồi, Kẻ Hủy Diệt!

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī
dummano tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết đượ: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng
liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

“Muttāhaṃ, bhikkhave, sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānusa

= Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đượ giải thoát khỏi tất cả chạ bầy nhân giới và thiên giới.

Tumhepi, bhikkhave, muttā sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānusa

= Nay các Tỷ-kheo, các Thầy cũng vậy, đã đượ giải thoát khỏi tất cả chạ bầy nhân
giới và thiên giới.

**Caratha, bhikkhave, cārikaṃ bahujanahitāya bahujanasukhāya
lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ**

= Nay các Tỷ-kheo, hãy hành hoá vì lợi lạc cho đạ chúng, vì hạnh phúc cho đạ chúng
vớ tâm lân mẫn vì sự tốt lành, lợi ích, hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại.

Mā ekena dve agamittha = Đừn đi hai người chung một đườg.

**Desetha, bhikkhave, dhammaṃ ādikalyāṇaṃ majjhekalyāṇaṃ
pariyosānakalyāṇaṃ sātthaṃ sabyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ
brahmacariyaṃ pakāsetha.**

= Hãy truyền dạy giáo pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện vớ văn, nghĩa tinh tườg.
Hãy hướng tuyên thuyết phạm hạnh viên mẫn và thanh tịnh.

Santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti
= Có những chúng sanh với ít bụi trần trong mắt có thể sa đọa nếu không được nghe pháp.

Bhavissanti dhammassa aññātāro = Sẽ có những người lãnh hội được pháp

Ahampi, bhikkhave, yena uruvelā senānigamo tenupasaṅkamissāmi dhammadesanāyā”ti

= Nay các Tỳ kheo, riêng Ta sẽ đi đến Senānigama ở Uruvelā để giáo hoá.



Thích nghĩa

Theo Sớ giải “giáo pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện (ādikalyāṇaṃ majjhekalyāṇaṃ pariyosānakalyāṇaṃ) được hiểu theo cả hai cách: pháp học và pháp hành. Trên phương diện pháp hành, tu tập giới là sơ thiện; tu tập định và tuệ là trung thiện; chứng ngộ đạo quả, niết bàn là hậu thiện. Trên phương diện pháp học sự trình bày của pháp thoại, kinh văn có mở đầu, nội dung chính, kết luận.

5. Dutiyamārapāsasuttaṃ [Mūla]

141. Ekaṃ samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isipatane migadāye. Tatra kho bhagavā bhikkhūāmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Muttāhaṃ, bhikkhave, sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānūsā. Tumhepi, bhikkhave, muttā sabbapāsehi ye dibbā ye ca mānūsā. Caratha, bhikkhave, cārikaṃ bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ. Mā ekena dve agamittha. Desetha, bhikkhave, dhammaṃ ādikalyāṇaṃ majjhekalyāṇaṃ pariyosānakalyāṇaṃ sātthaṃ sabyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāsetha. Santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti. Bhavissanti dhammassa aññātāro. Ahampi, bhikkhave, yena uruvelā senānigamo tenupasaṅkamissāmi dhammadesanāyā”ti. Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

‘‘Baddhosi sabbapāsehi, ye dībbā ye ca mānūsā;
Mahābandhanabaddhosi, na me samaṇa mokkhasī’’ti.

‘‘Muttāhaṃ sabbapāsehi, ye dībbā ye ca mānūsā;
Mahābandhanamuttomhi, nihato tvamasi antakā’’ti.

Atha kho māro pāpimā...pe... tathēvantaradhāyīti.

5. Dutiyamārapāsasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

141. Pañcame **muttāhanti** mutto ahaṃ. Purimaṃ suttaṃ antovasse vuttaṃ, idaṃ pana pavāretvā vuṭṭhavassakāle. **Cārikanti** anupubbagamanacārikam. (Pavāretvā) divase divase yojanaparamaṃ gacchantā carathāti vadati. **Mā ekena dveti** ekamaggena dve janā mā agamittha. Evañhi gatesu ekasmiṃ dhammaṃ desente, ekena tuṅhībhūtena ṭhātabbaṃ hoti. Tasmā evamāha.

Ādikalyāṇanti ādimhi kalyāṇaṃ sundaraṃ bhaddakaṃ. Tathā majjhāpariyosānesu. Ādimajjhāpariyosānañca nāmetam sāsanaṃ ca desanāya ca vasena duvidhaṃ. Tattha sāsanaṃ sīlaṃ ādi, samathavipassanāmaggā majjhaṃ, phalanibbānāni pariyosānaṃ. Sīlasamādhayo vā ādi, vipassanāmaggā majjhaṃ, phalanibbānāni pariyosānaṃ. Sīlasamādhivipassanā vā ādi, maggo majjhaṃ, phalanibbānāni pariyosānaṃ. Desanāya pana catuppadikāya gāthāya tāva paṭhamapādo ādi, dutiyatatiyā majjhaṃ, catuttho pariyosānaṃ. Pañcapadachappadānaṃ paṭhamapādo ādi, avasānapādo pariyosānaṃ, avasesā majjhaṃ. Ekānusandhikasuttassa nidānaṃ ādi, ‘‘idamavocā’’ti pariyosānaṃ, sesaṃ majjhaṃ.

Anekānusandhikassa majjhe bahūpi anusandhi majjhameva, nidānaṃ ādi, ‘‘idamavocā’’ti pariyosānaṃ.

Sātthanti sātthakaṃ katvā desetha. **Sabyañjananti** byañjanehi ceva padehi ca paripūraṃ katvā desetha. **Kevalaparipuṇṇanti** sakalaparipuṇṇaṃ. **Parisuddhanti** nirupakkilesaṃ. **Brahmacariyanti** sikkhattayasāṅgahaṃ sāsanaṃ brahmacariyaṃ. **Pakāsethāti** āvikarotha.

Apparajakkhajātikāti paññācakkhumhi appakilesarajasabhāvā, dukūlasāṇiyā paṭicchannā viya catuppadikagāthāpariyosāne arahattaṃ pattuṃ samatthā santīti attho. **Assavanatāti** assavanatāya. **Parihāyantīti** alābhāparihāniyā dhammato parihāyanti. Senānigamoti paṭhamakappikānaṃ senāya nivīṭṭhokāse patiṭṭhitagāmo,

sujātāya vā pitu senānī nāma nigamo. **Tenupasaṅkamissāmīti** nāhaṃ tuṃhe uyyojetvā pariveṇādīni kāretvā upatṭhākādīhi paricariyamāno viharissāmi, tiṇṇaṃ paṇa jaṭilānaṃ aḍḍhuḍḍhāni pāṭihāriyasahassāni dassetvā dhamameva desetum upasaṅkamissāmīti. **Tenupasaṅkamīti**, “ayaṃ samaṇo gotamo mahāyuddhaṃ vicārento viya, ‘mā ekena dve agamittha, dhammaṃ desethā’ti satṭhi jane uyyojeti, imasmiṃ paṇa ekasmimpi dhammaṃ desente mayhaṃ cittassādaṃ natthi, evaṃ bahūsu desentesu kuto bhavissati, paṭibhāmi na’’nti cintetvā upasaṅkami. Pañcamaṃ.